

Name: .....

Vocabulary + Grammar: .....

Class: S3...

Listening: .....

Tel: 034 200 9294

Mini test: .....

Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày...../.....

Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày...../.....



## GLOBAL ENGLISH 3

### Unit 5 & 6 - Vocabulary Revision

#### A. EXTRA VOCABULARY





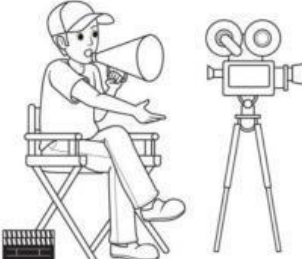

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>grown-up</b> (n/adj)	người lớn, trưởng thành	4	<b>(be) made of</b> (phr.v)	được làm từ thứ gì
2	<b>motorway</b> (n)	đường cao tốc	5	<b>prefer</b> (v)	thích hơn, ưu tiên hơn
3	<b>skyscraper</b> (n)	toà nhà chọc trời			

\* **Note:** *n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ; v = verb: động từ.*

\* *Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi*

#### B. HOMEWORK

##### I. Reorder the letters (Sắp xếp lại các chữ cái)

<p>0</p>  <p><i>l-s-y-i-l</i> <u>silly</u></p>	<p>1</p>  <p><i>t-i-o-i-n-v-n-e-n</i> _____</p>	<p>2</p>  <p><i>t-h-f-e-a-e-r</i> _____</p>
<p>3</p>  <p><i>p-a-p-o-t-r-h-o-g-h</i> _____</p>	<p>4</p>  <p><i>r-o-r-d-i-e-c-t</i> _____</p>	<p>5</p>  <p><i>d-u-l-t-f-i-c-i-f</i> _____</p>

##### II. Choose a suitable word to complete each sentence (Chọn từ phù hợp để hoàn thành mỗi câu)

0. Scientists use DNA / *direction* to identify genetic traits.

1. This book is *boring* / *interesting*. I like reading it.

2. After the heavy rain, the children played in the **inventor** / **mud** and made their clothes dirty.
3. The bird built a(n) **nest** / **invention** in the tree outside my window.
4. "**Twenty twenty-five** / **two zero two five**" is how you read 2025.
5. She loves to **collect** / **balance** stamps from different countries.

### III. With each word, complete a sentence with your own ideas

(Với mỗi từ, con hãy đặt câu với ý tưởng của con)

0. boring (adj) → This book is interesting, but that book is boring.
1. wing (n) → The bird can fly because \_\_\_\_\_.
2. person (n) → She always gives everyone food because \_\_\_\_\_.
3. difficult (adj) → I can't do my homework because \_\_\_\_\_.
4. 2025 → Last year was 2024. This \_\_\_\_\_.
5. create (v) → I am an artist, and \_\_\_\_\_.

### IV. Choose and correct the error in each sentence (Chọn và sửa lỗi sai trong mỗi câu)

0. She bought big two red apples from the market.

- ☒ A. big two      B. apples      C. the

→ two big

1. I saw her and he at the party last night.

- A. saw      B. he      C. last

→ \_\_\_\_\_

2. Could you please give they the books?

- A. you      B. they      C. books

→ \_\_\_\_\_

3. He bought I two big black bags yesterday.

- A. I      B. big black      C. yesterday

→ \_\_\_\_\_

4. He has four black large suitcases for his trip.

- A. He      B. four      C. black large

→ \_\_\_\_\_

5. There are little three pink flowers in the vase.

- A. little three      B. flowers      C. vase

→ \_\_\_\_\_

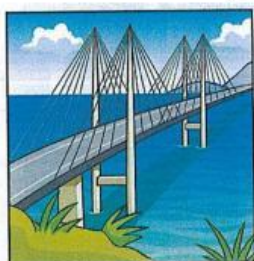
# CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Các con nghe bài ở link này: <https://soundcloud.com/ms-chi-english/09-cup-a2-flyers-03-cd-01-test>

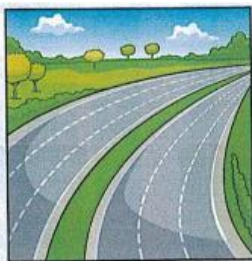
## PART 4

Listen and (✓) the box. There is one example.

0. What does Mrs. Silver design in her job?



A ☒



B ☐

1. What was Mrs. Silver's favourite subject at school?



A ☐



B ☐

2. Who else in Mrs. Silver's family works as an engineer?



A ☐



B ☐

3. What time does Mrs. Silver start work?



A ☐



B ☐

4. What is Mrs. Silver going to do tomorrow?

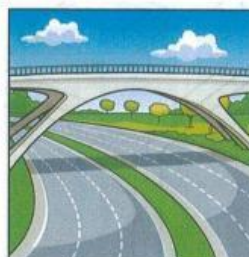


A ☐

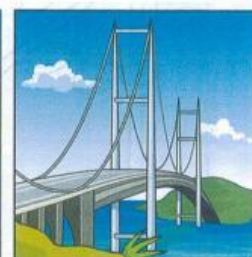


B ☐

5. Which bridge is Mrs. Silver working on now?



A ☐



B ☐